TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 208/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28/7/2017
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Lan Hương
- *Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Nguyễn Trung Diễn
  - Bà Thiều Thị Phi Loan
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Ông Bùi Thế Mạnh - CBTA
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 7 năm 2016, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1008/2017/HNGĐST ngày 19 tháng 5 năm 2017, về việc "Xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2017/QĐST- HNGĐ ngày 13/7/2016, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phan Thị P,** sinh năm 1995.
Địa chỉ: Thôn 1, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.
- Bị đơn: Ông **Nguyễn Hữu T,** sinh năm 1990.
Địa chỉ: 42/6, KP. 2, phường L, TP.B, tỉnh Đồng Nai.
(Ông T có mặt, bà P có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nguyên đơn – bà Phan Thị P trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hữu T kết hôn với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, TP.B, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không có sự áp đặt, cưỡng ép của gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến vợ chồng thường bất hòa, cả hai đã sống ly thân từ tháng 1/2017. Nay xét tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bị đơn – ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Ông và bà Phan Thị P kết hôn với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, TP.B, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không có sự áp đặt, cưỡng ép của gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được 04 tháng đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến vợ chồng thường bất hòa, bà P đã bỏ về quê sống từ tháng 1/2017 đến nay. Xét tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà P xin ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Bà P có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà P theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

Bà Phan Thị P và ông Nguyễn Hữu T tự nguyện xây dựng gia đình với nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, bà Phương khởi kiện vụ án xin ly hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Trong quá trình chung sống giữa bà P và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên dân do cả hai bất đồng quan điểm sống nhưng cả hai đều không tìm cách để hàn gắn quan hệ vợ chồng mà lại sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay, không quan tâm đến nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà P và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, ông T cũng đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà P nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà P, cho bà P ly hôn với ông T.

Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí*:* Bà P phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P; Về con chung; không có; Về tài sản chung và nợ chung: không có; bà P phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị P.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T.

Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Bà Phan Thị P phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 009259 ngày 11/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Ông T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà P vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Lan Hương

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐNi
- VKSND TP.B
- THADS TP. B
- Đương sự
- UBND nơi ĐKKH
- Lưu (3)

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh Đồng Nai;
-VKSND TP.Biên Hòa;
-THADS TP.Biên Hòa;
-Các đương sự (2);
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
-Lưu (3).

Bùi Lan Hương